



Working Paper 2025.1.4.2

- Vol. 1, No. 4

THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT THẨM QUYỀN XÉT XỬ TRANH CHẤP TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ TẠI HOA KỲ

Khổng Đức Hoàng¹, Nguyễn Đặng Khánh Linh, Nguyễn Phương Hoa

Sinh viên K60 Luật Thương mại Quốc tế - Khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ngô Quốc Chiến

Trưởng Bộ môn PLCS

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Toàn cầu hóa và sự phát triển công nghệ thông tin đã làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, dẫn đến sự gia tăng các tranh chấp quốc tế trong môi trường số. Với bản chất phi địa điểm của mình, tranh chấp trong môi trường số khiến việc xác định thẩm quyền giải quyết của các tòa án đối với loại tranh chấp này thường rất khó khăn. Bài viết sẽ nghiên cứu và phân tích các trường hợp xung đột thẩm quyền trong môi trường số của hệ thống pháp luật Hoa Kỳ thông qua một số án lệ tiêu biểu, các nguyên tắc mà các tòa án Hoa Kỳ sử dụng để phân định thẩm quyền. Từ đó, bài viết đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: xung đột thẩm quyền, môi trường số, Hoa Kỳ, Việt Nam

PRACTICE OF RESOLVING JURISDICTIONAL CONFLICTS IN DISPUTE SETTLEMENT IN THE DIGITAL ENVIRONMENT IN THE UNITED STATES

Abstract

Globalization and the advancement of information technology have intensified interdependence among nations, giving rise to a surge in international disputes within the digital realm. The inherently borderless nature of cyberspace complicates the determination of jurisdictional authority over such conflicts. This article examines jurisdictional conflicts in the digital environment under the U.S. legal system through landmark case studies, analyzing the principles American courts employ to adjudicate jurisdictional boundaries. Building on this

¹ Tác giả liên hệ, Email: k60.2112650017@ftu.edu.vn

analysis, the study proposes recommendations for refining Vietnam's legal framework to address these contemporary challenges.

Keywords: jurisdiction conflicts, digital environment, the United States, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa và sự phát triển công nghệ thông tin đã làm tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, dẫn đến sự gia tăng các tranh chấp quốc tế trong môi trường số. Những tranh chấp này, liên quan đến nhiều quốc gia và khu vực pháp lý khác nhau, đặt ra các vấn đề mới mà quy phạm pháp luật truyền thống không còn phù hợp. Vì vậy, xác định thẩm quyền xét xử phù hợp trở thành một thách thức lớn trong việc giải quyết các tranh chấp xuyên biên giới, như thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ liên quan đến tên miền và ấn phẩm truyền thông số.

Trong bối cảnh này, nghiên cứu về thẩm quyền xét xử tranh chấp trong môi trường số tại Việt Nam và các quốc gia tiên tiến như Hoa Kỳ là cần thiết. Đối tượng nghiên cứu của bài viết này là các vấn đề tổng quan về môi trường số, nguyên tắc và thực tiễn giải quyết xung đột thẩm quyền xét xử trong tranh chấp số, với Hoa Kỳ và Việt Nam là hai trọng điểm chính. Tại Hoa Kỳ, việc áp dụng các nguyên tắc hiện đại như “tòa án thuận lợi trong việc giải quyết tranh chấp” và học thuyết “mối liên hệ tối thiểu” là những giải pháp đã mang lại hiệu quả trong việc giảm thiểu xung đột thẩm quyền và có thể là kinh nghiệm đáng nghiên cứu cho Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp lý phù hợp với đặc thù của môi trường số.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về thẩm quyền xét xử tranh chấp trong môi trường số tại Việt Nam còn tương đối hạn chế, chủ yếu mới chỉ gợi mở các vấn đề cơ bản mà chưa đi sâu vào giải pháp pháp lý cụ thể để giải quyết các xung đột phát sinh. Tính chất đa điểm và phi lãnh thổ của không gian mạng đã khiến việc xác định thẩm quyền xét xử các tranh chấp trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi phải có các học thuyết và phương pháp tiếp cận linh hoạt. Câu hỏi đặt ra trong bối cảnh này là khi nào thì tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên môi trường số? Nếu một hành vi hoàn toàn có yếu tố nước ngoài, nhưng gây tác động tới người tiêu dùng tại Việt Nam thì tòa án Việt Nam có thể thiết lập thẩm quyền hay không? Hoặc trong trường hợp cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện các hành vi trên lãnh thổ Việt Nam, gây thiệt hại tới công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài thì tòa án Việt Nam có thể có thẩm quyền xét xử hay không? Đó là những vấn đề cấp thiết đặt ra yêu cầu pháp luật Việt Nam cần phải giải quyết để tạo ra một khung pháp lý vững chắc về vấn đề này, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cá nhân, tổ chức Việt Nam.

2. Thực tiễn giải quyết xung đột thẩm quyền xét xử tranh chấp trong môi trường số tại Hoa Kỳ

Tại Hoa Kỳ, xung đột thẩm quyền có thể xảy ra trên hai phạm vi: giữa các tòa án bang với nhau và giữa tòa án Hoa Kỳ với tòa án nước ngoài. Thực tiễn cho thấy, để giải quyết xung đột thẩm quyền, các tòa án Hoa Kỳ áp dụng các nguyên tắc giống nhau trên cả hai phạm vi trên, và có điều chỉnh tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Phần này sẽ phân tích về học thuyết mối liên hệ tối thiểu, nguyên lý thang trượt và đạo luật “cánh tay nối dài” – ba nguyên tắc phổ biến nhất được các tòa án Hoa Kỳ áp dụng để giải quyết vấn đề xung đột này. Đồng thời, phần này

cũng sẽ đưa ra một số án lệ trên cả hai phạm vi để so sánh và phân tích về việc thực tiễn áp dụng các nguyên tắc trên.

2.1. Học thuyết mối liên hệ tối thiểu

2.1.1. Khái niệm

Học thuyết mối liên hệ tối thiểu (Minimum Contacts Theory) là một khái niệm pháp lý quan trọng trong việc xác định thẩm quyền tài phán đối với chủ thể (personal jurisdiction). Khái niệm này được phát triển để xác định khi nào một tòa án có thể có quyền xét xử đối với một cá nhân hoặc tổ chức không cư trú trong khu vực tài phán của tòa án đó.

Có thể hiểu, mối liên hệ tối thiểu đề cập đến yêu cầu rằng một bên phải có những liên hệ nhất định với khu vực tài phán của tòa án để tòa án có thể đưa ra phán quyết đối với bên đó. Điều này được thiết lập nhằm bảo đảm rằng việc xét xử không vi phạm các nguyên tắc về công bằng và chính đáng. Trước đây, tại Hoa Kỳ, khái niệm thẩm quyền tài phán đối với chủ thể không gắn liền với nguyên tắc công bằng và quy trình tố tụng hợp pháp. Tòa án của một bang có thể triệu tập một người hiện không cư trú ở bang đó, dù sự hiện diện của họ tại bang (lãnh thổ tài phán của tòa án) là ngẫu nhiên hoặc ngẫu nhiên². Tuy nhiên, vụ án *International Shoe Co. v. Washington* (1945)³ đã đặt nền móng cho phân tích thẩm quyền hiện đại, kết hợp nguyên tắc công bằng và quy trình tố tụng hợp pháp. Tòa án Tối cao Hoa Kỳ quy định chỉ cần bị đơn có “mối liên hệ tối thiểu” với khu vực, như kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ, tòa án có thể có thẩm quyền xét xử.

Trong giai đoạn trước, sự hiện diện của các bên trong phạm vi lãnh thổ tòa án là điều kiện tiên quyết để tòa án thiết lập thẩm quyền⁴. Tuy nhiên, học thuyết đã phát triển, yêu cầu bị đơn chỉ cần có mối liên hệ tối thiểu với bang để đảm bảo vụ kiện không vi phạm “những nguyên tắc truyền thống về công bằng và công lý đáng kể.”⁵ Tòa án khẳng định rằng doanh nghiệp hoạt động tại một bang phải tuân thủ nghĩa vụ pháp lý, bao gồm trách nhiệm trước tòa, theo nguyên tắc “purposeful availment” – nghĩa là khi chủ động khai thác thị trường, doanh nghiệp phải chịu ràng buộc pháp lý tại đó.

2.1.2. Nguyên tắc áp dụng

Mối liên hệ giữa bị đơn và khu vực tài phán là yếu tố quan trọng khi áp dụng quyền tài phán. Tiêu chí cơ bản là hành động có chủ đích của bị đơn, tức là các hoạt động cụ thể, rõ ràng hướng tới khu vực, như ký hợp đồng hoặc giao dịch kinh tế. Tòa án không chấp nhận quyền tài phán chỉ vì khả năng hành động của bị đơn ảnh hưởng đến khu vực. Tính chất, mức độ hoạt động của bị đơn, dù không cần hiện diện vật lý, phải đủ để tạo mối liên hệ rõ ràng với vụ kiện. Vì vậy, mối liên hệ này cần được đánh giá toàn diện để xác định khả năng thiết lập thẩm quyền.

Việc áp dụng quyền tài phán còn cần tuân thủ các nguyên tắc về tính hợp lý và công bằng. Theo đó, quyền tài phán chỉ được thực hiện nếu không vi phạm “các khái niệm truyền thống về công bằng và chính đáng”. Điều này đảm bảo rằng quyết định của tòa án phải dựa trên sự công

² *Burnham v. Superior Court*, 495 U.S. 604 (1990)

³ *International Shoe Co. v. Washington*, 326 U.S. 310 (1945)

⁴ *Pennoyer v. Neff*, 95 U. S. 714, 95 U. S. 733, 1878

⁵ *Milliken v. Meyer*, 311 U. S. 457, 311 U. S. 463

bằng và không gây bất lợi quá mức cho bị đơn, đặc biệt là khi bị đơn không cư trú tại khu vực tài phán. Một yếu tố quan trọng khác là sự kết nối rõ ràng giữa hành vi của bị đơn và vụ kiện. Nếu hành vi của bị đơn, chẳng hạn như việc phát hành một sản phẩm gây thiệt hại, tạo ra mối liên hệ trực tiếp với khu vực tài phán, thì tòa án có thể hợp lý hóa việc thực hiện quyền tài phán. Sự cân nhắc này nhằm bảo vệ quyền lợi của tất cả các bên liên quan và duy trì tính chính trực của hệ thống pháp luật.

2.1.3. Thực tiễn áp dụng

Trên thực tiễn, tòa án tại Hoa Kỳ áp dụng học thuyết mối liên hệ tối thiểu tương đối thường xuyên, do học thuyết này còn là trung tâm của đạo luật “cánh tay nối dài”. Một trong những án lệ tương đối nổi bật là án lệ *Doe v. Geller*⁶. Án lệ này liên quan đến việc vi phạm bản quyền, khi Doe – một cư dân sinh sống ở phía bắc bang Pennsylvania, đã đăng tải trên nền tảng Youtube một đoạn video và bị bị đơn khiếu nại về bản quyền ở tòa án Pennsylvania. Bị đơn trong vụ án này là Geller và Explorologist, đều có quốc tịch Anh và trụ sở hoạt động đặt tại Anh. Sau đó, Doe đã đệ đơn lên tòa án Bắc California cáo buộc rằng các yêu cầu khởi kiện của Geller là vu khống, và yêu cầu tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện.

Để xét xử vụ án này, tòa án cần phải xem xét mình có thể thiết lập thẩm quyền tài phán đối với chủ thể hay không. Để quyết định điều này, tòa án xem xét qua bảy yếu tố bao gồm: (i) mức độ can thiệp của bị đơn vào trong khu vực lãnh thổ tài phán của tòa án; (ii) khả năng bị đơn có thể bảo vệ chính mình trước tòa án; (iii) mức độ xung đột với chủ quyền quốc gia của bị đơn; (iv) lợi ích của tòa án khi xét xử vụ tranh chấp; (v) cách giải quyết hiệu quả nhất; (vi) vai trò của tòa án trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn và (vii) sự tồn tại của một tòa án khác có thể xét xử. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, ta sẽ phân tích lập luận của tòa án với 3 nội dung đầu tiên.

Đối với nội dung đầu tiên, khi tòa án đánh giá mức độ can thiệp của bị đơn vào trong khu vực lãnh thổ tài phán của mình, tòa án khẳng định rằng mức độ can thiệp của bị đơn vào bang California là không đáng kể, khi chỉ có duy nhất một hành động là gửi thông báo tới Youtube. tòa án cho rằng, kể cả khi có thể coi đây là một mối liên hệ của bị đơn và bang California, thì mức độ của mối liên hệ đó là rất quan trọng trong việc xem xét thẩm quyền. Mức độ liên hệ càng mờ nhạt thì khả năng có thể thiết lập thẩm quyền càng thấp. Hơn nữa, thông báo do bị đơn gửi đến Youtube không có ý định hướng tới bất kỳ đối tượng nào tại bang California một cách rộng rãi.

Xem xét nội dung thứ hai, tòa án đánh giá khả năng thuận tiện của bị đơn khi bị đơn cần phải tự bảo vệ mình trước một tòa án nước ngoài. Trong vụ *Ashi Metal Industry Co v. Superior Court*, tòa án từng lập luận rằng vấn đề bị đơn có thể tự bảo vệ mình trước một tòa án nước ngoài hay không cần được xem xét kỹ trước khi thiết lập thẩm quyền đối với bị đơn đó. Trong trường hợp này, tòa án nhận thấy rằng bị đơn không có văn phòng đại diện ở California, cũng không có hoạt động thương mại thường xuyên ở bang này, nên việc thiết lập thẩm quyền tài phán đối với chủ thể là không phù hợp.

Vấn đề thứ ba, tòa án cần phải xem xét nếu thiết lập thẩm quyền với một bị đơn quốc tịch nước ngoài, thì có ảnh hưởng đến vấn đề về tính chủ quyền của quốc gia đó hay không. Trong tình huống này, tòa án cho rằng một tòa án Anh khác cũng có thể đảm bảo về mặt chủ quyền khi tòa án đó có thẩm quyền xét xử, đặc biệt khi bị đơn là một công ty Anh và một công dân Anh. Hơn nữa, đối tượng tranh chấp là một đoạn video được quay ở Anh nên việc thiết lập thẩm quyền ở tòa án bang California cũng không phù hợp.

2.2. Nguyên lý thang trượt

2.2.1. Khái niệm

“Nguyên lý thang trượt” là công cụ xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong môi trường số dựa trên quan điểm: chỉ một trang web mang tính thụ động không thể tạo ra thẩm quyền cá nhân, mà bản chất hoạt động của chủ trang web là yếu tố quyết định trong việc xác định thẩm quyền xét xử. Nói theo cách khác, các vụ án được giải quyết theo nguyên lý này thường dựa trên mức độ tương tác, bản chất trao đổi thông tin qua trang web thay vì nguồn gốc, tên miền... của bản thân nó.

“Nguyên lý thang trượt” tiếp cận vụ việc thông qua đánh giá, xếp hạng mức độ từ cao đến thấp các yếu tố liên quan như nơi xảy ra sự việc, nơi cư trú của các bên, thỏa thuận giữa các bên về thẩm quyền... Thông thường, các tòa án sẽ cho rằng mức độ thương mại và tính tương tác liên quan đến trang web càng cao thì khả năng chủ nhân của trang web đã 'tự nguyện chấp nhận' thẩm quyền của khu vực đó càng lớn.

2.2.2. Lịch sử ra đời

Những vụ việc liên quan đến thẩm quyền trong môi trường số trước đây tại Mỹ cho thấy, các toà án chưa có một cách hiểu đúng về khả năng tiếp cận toàn cầu của mạng internet, từ đó dẫn tới thiếu nhất quán trong xét xử. Ví dụ như trong vụ việc *Inset Systems, Inc. v. Instruction Set, Inc.* (1996), tòa án liên bang cấp quận của Connecticut đã tuyên bố, thẩm quyền cá nhân có tồn tại đối với công ty sở hữu một số điện thoại miễn phí (toll-free telephone number) và một trang web có thể truy cập bởi 10.000 người dùng tại bang này. Tòa án lập luận rằng các biểu hiện trên cho thấy khả năng truy cập tương đương với việc kêu gọi kinh doanh trong tiểu bang mà bỏ qua thực tế là các trang web có thể truy cập trên toàn cầu, tạo tiền lệ cho thẩm quyền tiềm tàng khắp nơi, gây ra nhiều xung đột thẩm quyền hơn nữa.

Quan điểm này sau đó đã được giới hạn lại trong vụ án *Bensusan Restaurant Corp. v. King*, 937 F. Supp. 295 (S.D.N.Y. 1996), khi tòa án bác bỏ thẩm quyền xét xử chỉ vì một trang web có thể truy cập được, cho rằng việc tạo ra một trang web không đồng nghĩa với việc cố ý hướng hoạt động kinh doanh tới một tiểu bang cụ thể. “Nguyên lý thang trượt” sau đó ra đời từ vụ việc *Zippo Manufacturing Company v. Zippo Dot Com, Inc* (1997). Trong án lệ này, trang web được phân thành ba loại: thụ động, chủ động hay mang tính tương tác, dựa trên mức độ tương tác và trao đổi thông tin với người dùng. Các trang web thụ động như quảng cáo trực tuyến phần lớn không tạo ra thẩm quyền xét xử, trong khi các trang web trực tiếp hướng tới kinh doanh thì ngược lại.

Cho tới các vụ án sau đó như *Cybersell, Inc. v. Cybersell, Inc.* (1997), quan điểm trên được củng cố vững chắc hơn. Các tòa án đã dần không còn lập luận dựa vào số lượng người truy cập

và tương tác trên một trang web thụ động, mà chấp nhận “nguyên lý thang trượt”, cụ thể là áp dụng bài kiểm tra thang trượt “Zippo”. Các tương tác rõ ràng và có mục đích được yêu cầu nhiều hơn trong việc xác định thẩm quyền. Tuy nhiên, việc áp dụng bài kiểm tra “Zippo” cũng còn nhiều hạn chế do mang tính chủ quan; bởi trong nhiều vụ án, việc xác định một trang web là chủ động hay mang tính tương tác có thể phụ thuộc vào cách hiểu và trực giác của toà án hơn là những khác biệt thực sự trong cách mọi người dùng mạng Internet⁷.

2.2.3. *Án lệ Zippo Manufacturing Company v. Zippo Dot Com, Inc (1997)*

Án lệ là vụ việc xảy ra giữa nguyên đơn là công ty Zippo Manufacturing – một công ty sản xuất bật lửa nổi tiếng “Zippo”, có trụ sở tại Pennsylvania và bị đơn là công ty Zippo Dot Com – một công ty có trụ sở tại California, vận hành một trang web cùng dịch vụ cung cấp tin tức qua Internet. Bị đơn có sở hữu độc quyền đối với các tên miền “zippo.com”, “zippo.net” và “zipponews.com”.

Trang web của bị đơn bao gồm các thông tin về công ty, quảng cáo và đơn đăng ký dịch vụ tin tức của họ. Dịch vụ này có ba cấp độ thành viên và mỗi cấp lại cho phép truy cập vào các nhóm tin tức với khối lượng khác nhau. Đối với các gói thành viên không miễn phí, khách hàng phải điền đơn đăng ký trực tuyến, cung cấp các thông tin như tên, địa chỉ rồi thanh toán qua thẻ tín dụng trên Internet hoặc qua điện thoại. Các khách hàng đăng ký thành công sẽ được cấp mật khẩu để truy cập vào tin tức lưu trữ trên máy chủ của bị đơn tại California. Bị đơn không có văn phòng, nhân viên hay đại lý tại Pennsylvania mà chủ yếu tương tác với bang này qua Internet. Dịch vụ của họ cũng được quảng cáo tới cư dân bang Pennsylvania chủ yếu là qua thông tin đăng trên trang web của họ. Trong khoảng 140.000 người đăng ký trả phí trên toàn cầu đối với dịch vụ của bị đơn, cư dân Pennsylvania chiếm khoảng 2% (3.000 người). Ngoài tương tác qua trang web với khoảng 3000 người này, bị đơn còn ký thỏa thuận với 7 nhà cung cấp dịch vụ Internet tại Pennsylvania để cung cấp dịch vụ tin tức cho người dùng trong bang.

Nguyên đơn đã kiện bị đơn vì sử dụng từ “Zippo” trong các tên miền họ sở hữu, ở nhiều vị trí trên trang web và trong tiêu đề của các tin nhắn trên các nhóm tin tức. Khi người dùng Internet xem hoặc tải xuống một tin nhắn nhóm do người dùng của bị đơn đăng tải, từ “Zippo” xuất hiện trong phần “Message-Id” và “Organization” của tiêu đề, sau đó là nội dung tin nhắn có thể bao gồm văn bản hoặc hình ảnh. Nguyên đơn chỉ ra rằng một số tin nhắn có nội dung người lớn và hình ảnh khiêu dâm. Đơn kiện gồm năm cáo buộc dựa trên luật bang Pennsylvania và Đạo luật Thương hiệu Liên bang. Bị đơn đã đề nghị bác bỏ vụ kiện do thiếu thẩm quyền cá nhân hoặc yêu cầu chuyển vụ án.

Tòa án đã từ chối yêu cầu của bị đơn, lập luận rằng trang web của bị đơn không chỉ có tính tương tác thông thường mà chủ động thực hiện hoạt động kinh doanh qua việc cung cấp dịch vụ có thu phí đối với 3.000 cư dân Pennsylvania. Bị đơn đã phản bác rằng các cư dân này hoàn toàn tự nguyện đăng ký sau khi tự mình phát hiện ra trang web và dịch vụ mà bị đơn cung cấp. Tuy nhiên, toà án cho rằng lập luận này là thiếu thuyết phục bởi sự chấp thuận bền vững, thống nhất đối với người đăng ký tại Pennsylvania cũng như những điều khoản mang tính hợp đồng đã thể hiện một hành động tiếp cận có chủ ý. Đặc biệt, khi bị đơn cố gắng giảm thiểu ảnh hưởng

⁷ GLADSTONE, Determining Jurisdiction in Cyberspace, xem tại: <http://euro.ecom.cmu.edu/program/law/08-732/Jurisdiction/GladstoneDeterminingJurisdiction.pdf> (truy cập ngày 26/10/2024)

của mình đối với bang Pennsylvania bằng cách đưa ra con số 2%, toà án đã phản đối, nhấn mạnh rằng bản chất tương tác ở đây quan trọng hơn là số lượng người tương tác qua trang web.

Tòa án đưa ra phán quyết rằng bang Pennsylvania có quyền trong việc bảo vệ các nhân hiệu của các công ty cư trú tại bang này và rằng bị đơn có thể tránh được gánh nặng về thẩm quyền bằng cách không tiến hành kinh doanh tại bang này. Bằng cách cân nhắc lợi ích của bang và việc bị đơn cố ý tương tác tại Pennsylvania, tòa án thấy việc thực thi thẩm quyền là phù hợp.

2.3. Đạo luật “Cánh tay nối dài”

2.3.1. Tổng quan về đạo luật “Cánh tay nối dài”

Đạo luật “cánh tay nối dài” (nguyên văn tiếng Anh: *long-arm statute*) là một đạo luật cho phép một tòa án sẽ có thể áp dụng các thẩm quyền tài phán của mình lên một bị đơn ở ngoài khu vực tài phán đó với một số điều kiện cụ thể.

Để xác định thẩm quyền tài phán theo đạo luật “cánh tay nối dài”, các thẩm phán thường phải xác định về mối liên hệ tối thiểu giữa cá nhân đó với vùng lãnh thổ tài phán của tòa án. Ví dụ, một người dân của bang New York, vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp một người dân của bang Alaska; tòa án sẽ thông qua phạm vi ảnh hưởng, khả năng tác động hoặc những tác động thực tế do hành vi của người dân bang New York tác động tới người dân bang Alaska để xác định mối liên hệ tối thiểu.

Tại Hoa Kỳ, các đạo luật “cánh tay nối dài” của các bang có các quy định tương đối giống nhau về phạm vi xác định mối liên hệ tối thiểu. Đạo luật “cánh tay nối dài” của bang Alabama⁸ có quy định tương đối rõ ràng về nguyên tắc khi nào thì “cánh tay nối dài được áp dụng”. Tại khoản a, đoạn 1 Điều 4.2 nói rằng: “*Căn cứ hợp pháp cho việc áp dụng nguyên lý “cánh tay nối dài” cho một cá nhân là: (i) Người đó vào thời điểm tiến hành tố tụng không phải người dân của bang hoặc đang không có mặt tại bang cư trú và (ii) Người đó phải có “mối liên hệ đầy đủ” (sufficient contacts) với bang [...]*”.

Tại New York, đạo luật “cánh tay nối dài”⁹ quy định một số trường hợp có mối liên hệ tối thiểu nằm ở các quan hệ như: (i) thương mại, cung ứng dịch vụ, hàng hóa; (ii) vi phạm pháp luật hình sự đối với tài sản và người trong bang này hoặc (iii) sở hữu tài sản tại bang New York. Tại Washington¹⁰, thẩm quyền của tòa án đối với thẩm quyền “cánh tay nối dài” cũng được chỉ rõ trong một số lĩnh vực như thương mại, hình sự, tài sản, quan hệ hôn nhân...

Nhìn chung, tại Hoa Kỳ, khi nói đến đạo luật “cánh tay nối dài”, mỗi bang sẽ có những đạo luật riêng áp dụng tại bang của mình, trong đó quy định thẩm quyền của tòa án bang dưới thẩm quyền “cánh tay nối dài”, được giới hạn trong các lĩnh vực cụ thể. Có thể liệt kê một số lĩnh vực chung nhất xuất hiện tại nhiều bang như:

- Thương mại và hoạt động cung ứng hàng hóa, dịch vụ;
- Các vấn đề liên quan đến hình sự: cướp, hiếp dâm, gây thương tích đối với người...;

⁸ VEDDER, PRICE, KAUFMAN & KAMMHOLZ, P.C., *Long-arm Statutes: A fifty-state survey*, Vedder Price, xem tại: <http://euro.ecom.cmu.edu/program/law/08-732/Jurisdiction/LongArmSurvey.pdf> (truy cập ngày 26/10/2024)

⁹ N.Y. C.P.L.R. § 302 (2003)

¹⁰ WA ST § 4.28.185 (2003)

- Quan hệ tài sản;
- Quan hệ hôn nhân...

Tuy nhiên, không phải tất cả các bang tại Hoa Kỳ đều quy định những trường hợp cụ thể được áp dụng đạo luật “cánh tay nối dài”. Ví dụ như tại bang Arizona, đạo luật đó được áp dụng trên phạm vi rất rộng, cho phép tòa án có thẩm quyền đối với cá nhân hoặc pháp nhân, miễn là đảm bảo yêu cầu về “trình tự công bằng”¹¹ (lược dịch từ *due process* - tiếng Anh).

Tóm lại, đạo luật “cánh tay nối dài” sẽ được các bang sử dụng để xác định thẩm quyền của tòa án bang đối với các tranh chấp mà cá nhân nằm ngoài bang (hay vùng lãnh thổ tài phán) của mình. Trong đó, vấn đề về mối liên hệ tối thiểu là vấn đề trọng tâm mà đạo luật này tập trung giải quyết.

2.3.2. *Án lệ International Shoe Co. v. Washington*

Án lệ đề cập đến tranh chấp xảy ra giữa Công ty International Shoe Co. và bang Washington của Hoa Kỳ. International Shoe Co. ban đầu với tư cách Bị đơn, là một công ty có trụ sở tại Delaware với văn phòng tại St. Louis, Missouri. Bị đơn thuê nhân viên bán hàng cư trú tại Washington để bán sản phẩm của Công ty tại tiểu bang Washington. Bị đơn thường xuyên gửi đơn hàng cho các nhân viên bán hàng, người mà trước đó đã chấp nhận đơn hàng từ phía Công ty. Sau khi nhận hàng, nhân viên bán hàng sẽ trưng bày sản phẩm tại các địa điểm ở Washington và nhân viên đó sẽ được trả hoa hồng cho việc bán sản phẩm. Nhân viên bán hàng cũng được hoàn trả chi phí thuê địa điểm kinh doanh tại Washington. Bang Washington đã kiện Bị đơn sau khi Bị đơn không đóng góp vào quỹ bồi thường thất nghiệp (*unemployment compensation fund*) theo quy định của luật tiểu bang. Luật của Washington nêu rõ rằng tòa án có thể ban hành lệnh tổng đặt tạm tay nếu Bị đơn hiện đang cư trú tại tiểu bang Washington hoặc bằng cách gửi thư (*by mail*) cho Bị đơn nếu Bị đơn không ở trong tiểu bang. Bị đơn lập luận rằng họ không “kinh doanh” tại tiểu bang, rằng không có đại lý nào có thể cung cấp dịch vụ và Bị đơn không cung cấp việc làm theo nghĩa của luật. Bị đơn cũng lập luận rằng luật đã vi phạm Điều khoản thủ tục tố tụng hợp pháp (*Due Process Clause*) của Tu chính án thứ mười bốn và áp đặt gánh nặng cấm đoán đối với thương mại liên tiểu bang. tòa án sơ thẩm đã phán quyết có lợi cho Washington và tòa án Tối cao Washington đã xác nhận, lập luận rằng việc sản phẩm của Bị đơn liên tục chảy vào Washington là đủ để thiết lập quyền tài phán cá nhân. Bị đơn kháng cáo.

Căn cứ vào Điều 4.28.185 đạo luật “cánh tay nối dài” của bang Washington, nếu có hoạt động thương mại bên trong tiểu bang là đã đủ điều kiện thiết lập thẩm quyền “cánh tay nối dài” của tòa án tiểu bang Washington. Trong án lệ này, tòa án tối cao có lập luận rằng, nếu muốn xác định Bị đơn có mối liên hệ tối thiểu hay không, cần xác định thông qua hai yếu tố sau: (i) có hoạt động một cách có hệ thống và liên tục trong vùng lãnh thổ tài phán và (ii) có nguyên nhân hành động¹² từ hành động đó.

¹¹ Hồ Minh Thành, Trần Kiên, Giải quyết xung đột thẩm quyền tài phán trên không gian mạng đối với các giao dịch thương mại điện tử, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 4/2023, tr.47-56, xem tại:

<https://nsti.vista.gov.vn/publication/download/hE/qFIDTyqnsXPID.html> (truy cập ngày 26/10/2024)

¹² Nguyên nhân hành động, lược dịch từ tiếng Anh là “*cause of action*”, là một tập hợp các yếu tố thực tế được xác định trước cho phép có biện pháp khắc phục hợp pháp. Các yếu tố thực tế hợp pháp cho một nguyên nhân hành động cụ thể có thể xuất phát từ hiến pháp, luật lệ, tiền lệ pháp hoặc quy định hành chính.

Áp dụng vào án lệ, một cách rõ ràng rằng, Công ty International Shoe Co. đã có hành động buôn bán một cách có hệ thống và liên tục vào bang Washington. Công ty này đã thiết lập được một hệ thống nhân viên bán hàng tại bang này, và sản phẩm của Công ty liên tục được chuyển đến bang này. Hơn nữa, hành động của bang Washington trong việc kiện Công ty xuất phát từ một quy định của tiểu bang, liên quan đến quỹ bồi thường thất nghiệp. Như vậy, trong án lệ này, Công ty International Shoe Co. đã bị tuyên là đủ điều kiện về mối liên hệ tối thiểu theo đạo luật “cánh tay nối dài” để chịu quyền tài phán từ tòa án của bang Washington.

Tuy nhiên, trong án lệ này, tòa án tối cao còn tuyên rằng, việc áp dụng thẩm quyền theo đạo luật “cánh tay nối dài” không được vi phạm đến các “khái niệm truyền thống về công bằng và công lý thực chất”¹³, gắn liền với Điều khoản thủ tục tố tụng hợp pháp.

2.3.3. Điều khoản thủ tục tố tụng hợp pháp trong thẩm quyền “cánh tay nối dài”

Các tòa án hiện nay hầu hết đều áp dụng bài kiểm tra hai nhánh (*the two-prong test*) để kiểm tra xem liệu một tòa án có thể có thẩm quyền tài phán đối với một cá nhân được hay không¹⁴. Nhánh đầu tiên đó là kiểm tra xem thẩm quyền đó có được quy định trong các đạo luật liên quan đến vấn đề “cánh tay nối dài” hay không. Nhánh thứ hai yêu cầu việc thi hành thẩm quyền tài phán đối với cá nhân phải tuân thủ theo Điều khoản thủ tục tố tụng hợp pháp trong Tu chính án thứ mười bốn. Các đạo luật cánh tay nối dài cho phép các tòa án có thể có thẩm quyền rộng hơn lãnh thổ tài phán của mình trong một số trường hợp, tuy nhiên giới hạn sẽ dừng lại ở Điều khoản thủ tục tố tụng hợp pháp.

Tiêu chuẩn để đánh giá việc thực thi thẩm quyền tài phán cá nhân theo đạo luật “cánh tay nối dài” có tuân thủ Điều khoản tố tụng hợp pháp hay không bắt nguồn từ quyết định của tòa án tối cao trong án lệ International Shoe Co. v. Washington đã được trình bày ở trên. Theo án lệ này, để kiểm tra xem việc thực thi quyền tài phán cá nhân theo đạo luật “cánh tay nối dài” có phù hợp hay không, thì cần phải quyết định theo hai nhánh:

- Một hành vi cố ý sử dụng các đặc quyền để tiến hành hoạt động trong phạm vi tiểu bang, từ đó tận dụng các ưu đãi và sự bảo vệ theo luật của bang đó;
- Phù hợp với khái niệm truyền thống về công bằng và công lý thực chất.

Hành vi cố ý sử dụng các đặc quyền (sau đây gọi tắt là “*hành vi cố ý sử dụng*”) sẽ được tòa án xem xét trên nhiều khía cạnh, trong đó có thể kể đến như: (i) tính có thể dự đoán khả năng bị chịu ảnh hưởng từ thẩm quyền tài phán “cánh tay nối dài”; (ii) mục đích; (iii) sự tương tác qua lại giữa Bị đơn và nơi của cơ quan có thẩm quyền tài phán¹⁵. Bài kiểm tra về dòng thương mại¹⁶ hay được sử dụng để xem xét về hành vi cố ý sử dụng trên. Bài kiểm tra về dòng thương mại có thể diễn giải rằng: Nếu một công ty đưa sản phẩm của mình vào dòng thương mại với kỳ vọng rằng sản phẩm của mình sẽ được người tiêu dùng tại một tiểu bang đích mua, thì tòa án tại tiểu bang đó có thể có thẩm quyền cá nhân đầy đủ đối với công ty trong các vụ

¹³ Nguyên văn tiếng Anh: “*traditional notions of fair play and substantial justice*”

¹⁴ Sonia K. Gupta, *Bulletin Board Systems and Personal Jurisdiction: What Comports with Fair Play and Substantial Justice?*, 1996, University of Chicago Legal Forum, Volume 1996, Article 16, xem tại: <https://chicagounbound.uchicago.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1213&context=uclf> (truy cập ngày 26/10/2024)

¹⁵ Sonia K. Gupta, *tlđđ*

¹⁶ Nguyên văn tiếng Anh: “*stream-of-commerce test*”

kiện về trách nhiệm sản phẩm. Tuy nhiên, hành động của bị đơn phải “tự nguyện và có mục đích hướng đến” tiểu bang đó.

Việc đánh giá hành vi cố ý sử dụng có tác động mạnh mẽ và có mối quan hệ chặt chẽ đối với việc xác định thẩm quyền tài phán cá nhân đó có phù hợp với khái niệm truyền thống về công bằng và công lý thực chất hay không.

3. Một số đề xuất cho Việt Nam

3.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành

Pháp luật về giao dịch điện tử tại Việt Nam xuất hiện muộn hơn nhiều quốc gia khác, và được thiết lập thông qua Luật Giao dịch điện tử năm 2005, văn bản pháp lý đầu tiên quy định về hoạt động thương mại điện tử (TMĐT). Luật này đóng vai trò nền tảng cho các giao dịch điện tử trong nhiều lĩnh vực. Các quy định chi tiết hơn về quản lý TMĐT được bổ sung qua các nghị định và thông tư, bao gồm Nghị định 52/2013/NĐ-CP về phát triển và quản lý TMĐT, Thông tư 47/2014/TT-BCT quản lý website TMĐT, và Thông tư 59/2015/TT-BCT liên quan đến ứng dụng TMĐT trên thiết bị di động. Nghị định 98/2020/NĐ-CP cũng bổ sung quy định về xử phạt hành chính đối với sản xuất, buôn bán hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng.

Việc giải quyết tranh chấp TMĐT tại Việt Nam vẫn tuân theo các nguyên tắc của tranh chấp thương mại truyền thống, như quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS 2015). Theo Điều 26 và Điều 30 của BLTTDS 2015, các bên tranh chấp có thể lựa chọn giải quyết thông qua trọng tài hoặc tòa án. Nếu không có thỏa thuận trước về tòa án, Điều 39 BLTTDS 2015 quy định thẩm quyền thuộc về tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc hoặc có trụ sở. Thêm vào đó, Điều 40 BLTTDS 2015 chỉ rõ rằng tòa án nơi nguyên đơn cư trú có thể xét xử nếu nơi cư trú của bị đơn không được xác định, bị đơn không có trụ sở tại Việt Nam, hoặc khi tranh chấp liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Với các tranh chấp về hợp đồng, tòa án nơi thực hiện hợp đồng có thẩm quyền giải quyết.

Tranh chấp TMĐT thường có yếu tố nước ngoài, nên việc xác định thẩm quyền xét xử trở nên phức tạp hơn. Đối với các tranh chấp có yếu tố quốc tế, thẩm quyền của tòa án Việt Nam được xác định dựa trên nguyên tắc lãnh thổ và cấp xét xử, như quy định Điều 469 BLTTDS 2015. Tuy nhiên, trong môi trường TMĐT, việc xác định rõ vị trí của các bên gặp nhiều khó khăn do các giao dịch diễn ra qua Internet, khiến cho các yếu tố như nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở của các bên khó xác định, dẫn đến khó khăn trong việc phân định thẩm quyền xét xử. Chẳng hạn, tranh chấp về bản quyền trên Internet có thể phát sinh từ hành vi của các bên ở những quốc gia khác nhau. Hơn nữa, việc giải quyết tranh chấp sẽ không có hiệu quả hoặc tốn thời gian, công sức và tiền bạc của các Bên nếu chỉ xác định tòa án có thẩm quyền dựa trên *nơi cư trú* hoặc *trụ sở*.

Thẩm quyền dân sự quốc tế của tòa án Việt Nam dựa vào Điều 469 BLTTDS 2015 và một số văn bản chuyên ngành như Bộ luật Hàng hải, Luật Hàng không dân dụng... Theo quy định, tòa án Việt Nam có quyền xử các tranh chấp khi: (1) bị đơn cư trú hoặc có trụ sở tại Việt Nam; (2) bị đơn có tài sản tại Việt Nam; (3) quan hệ tranh chấp phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt tại Việt Nam, dù các bên đều là chủ thể nước ngoài; (4) vụ việc xảy ra ngoài Việt Nam nhưng liên

quan đến quyền, nghĩa vụ của cá nhân hoặc tổ chức tại Việt Nam. Hiện nay Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định về thẩm quyền chung của tòa án Việt Nam và Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định về thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam, tuy nhiên, phạm vi mà tòa án Việt Nam có thẩm quyền riêng biệt tương đối hạn chế, chỉ gói gọn trong 3 phạm vi: (1) vụ tranh chấp có liên quan đến quyền tài sản là bất động sản trên lãnh thổ Việt Nam, (2) vụ án hôn nhân gia đình có một bên là công dân Việt Nam hoặc là công dân nước ngoài nhưng cư trú, sinh sống và làm ăn lâu dài tại Việt Nam và (3) vụ án mà các bên chọn tòa án Việt Nam là tòa án giải quyết tranh chấp hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định như vậy. Có thể thấy, trong toàn bộ quy định về thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam, không có quy định nào làm rõ việc thẩm quyền đối với các vụ tranh chấp thương mại điện tử mà có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam, hoặc thiệt hại xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam hoặc đối với một bên là cá nhân hoặc pháp nhân mang quốc tịch Việt Nam. Căn cứ vào thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam, ta thấy rằng nếu theo quy định hiện hành thì tòa án Việt Nam sẽ chỉ có thể có thẩm quyền đối với các vụ tranh chấp trên môi trường số nếu trong hợp đồng có quy định như vậy, và trong đa số trường hợp sẽ là nhà cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam đưa quy định đó vào trong hợp đồng. Bởi lẽ, đối với các giao dịch thương mại điện tử, đối tượng không thể là bất động sản, hay có liên quan đến hôn nhân gia đình.

Với các quy định hiện có, Việt Nam đã xây dựng nền tảng pháp lý cho TMDT, song vẫn tồn tại nhiều thách thức trong việc áp dụng vào thực tế, nhất là đối với các tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Việc bổ sung và điều chỉnh quy định pháp luật sẽ giúp phát triển mạnh mẽ hệ thống pháp lý TMDT tại Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các bên trong các giao dịch điện tử.

3.2. Một số gợi mở cho Việt Nam

Thứ nhất, Việt Nam cần có nghiên cứu cụ thể về nguyên tắc mối liên hệ tối thiểu và nội hàm của nó. Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả đã trình bày về hai nguyên tắc nhỏ hơn là nguyên lý “thang trượt” và “cánh tay nối dài”. Tuy nhiên, nguyên tắc mối liên hệ tối thiểu mang nội hàm rộng hơn hai nguyên lý trên, bao gồm thêm một số nguyên lý khác, do đó cần phải có sự nghiên cứu cẩn thận và kỹ lưỡng trước khi thực hiện quá trình xây dựng pháp luật có liên quan. Đồng thời, khi xây dựng những quy phạm pháp luật mới, cần phải có sự đánh giá tổng thể để các quy phạm pháp luật đó không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy phạm pháp luật hiện hành.

Thứ hai, khi vận dụng nguyên lý thang trượt vào Việt Nam, các nhà làm luật cần thiết phải phân chia cấp độ cho phù hợp. Tiêu chí để đánh giá mức độ liên hệ có thể căn cứ vào (i) mục đích của hành vi vi phạm, (ii) tác động của hành vi vi phạm hoặc (iii) đối tượng chịu tác động bởi hành vi vi phạm đó. Căn cứ vào các tiêu chí trên, nếu như mục đích của hành vi vi phạm hướng tới một khu vực cụ thể trên lãnh thổ Việt Nam, tác động và đối tượng chịu tác động của hành vi vi phạm chủ yếu thuộc lãnh thổ Việt Nam thì tòa án Việt Nam cần thiết phải có thẩm quyền riêng biệt, và là tòa án có thẩm quyền phù hợp nhất. Đồng thời với thẩm quyền riêng biệt đó thì công dân Việt Nam chịu ảnh hưởng sẽ được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách thuận tiện hơn.

Dựa vào nguyên lý “thang trượt”, luật có thể quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ trên lãnh thổ Việt Nam. Khi đã qua bước đầu tiên về việc xác định tòa án Việt Nam có thẩm quyền, dựa vào mức độ liên hệ này đối với một tỉnh, thành phố cụ thể tại Việt Nam để xác định tòa án nhân dân tỉnh, thành phố nào sẽ có thẩm quyền thụ lý vụ tranh chấp.

Thứ ba, căn cứ vào nguyên tắc “cánh tay nối dài”, Việt Nam có thể xây dựng cho mình một quy phạm pháp luật riêng để xác định thẩm quyền của mình đối với các công dân nước ngoài, nếu hành vi vi phạm của họ có sự tác động đến lãnh thổ Việt Nam. Khi đó, việc xác định hành vi vi phạm đó có tác động đến đối tượng trên lãnh thổ Việt Nam hay không, hay mức độ tác động như thế nào thì có thể căn cứ vào nguyên lý “thang trượt” ở trên. Tuy nhiên, nhằm tránh sự xung đột với các quốc gia mà người vi phạm là công dân, Việt Nam cần quy định rõ về phạm vi và điều kiện để có thể áp dụng nguyên tắc “cánh tay nối dài”, ví dụ như trong án lệ *Doe v. Geller* của Hoa Kỳ.

Thứ tư, cần tăng cường về những thỏa thuận tư pháp song phương giữa các quốc gia hoặc điều ước quốc tế vì xét cho cùng, tòa án Việt Nam không thể tự nhiên có được thẩm quyền xét xử công dân của một nước khác, hoặc tác động đến tài sản của cá nhân hoặc pháp nhân đang ở trong một vùng lãnh thổ khác. Do đó, hợp tác tư pháp và tăng cường tương trợ tư pháp giữa các quốc gia sẽ giúp việc giải quyết tranh chấp trở nên dễ dàng hơn, đồng thời tăng tỉ lệ bản án được công nhận và cho thi hành tại các quốc gia khác.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Án lệ

1. International Shoe Co. v. Washington, 326 U.S. 310 (1945)
2. Pennoyer v. Neff, 95 U. S. 714, 95 U. S. 733, 1878
3. Milliken v. Meyer, 311 U. S. 457, 311 U. S. 463
4. World-Wide Volkswagen Corp. v. Woodson, 444 U.S. 286 (1980)
5. Zippo Mfg. Co. v. Zippo Dot Com, Inc. 952 F.Supp. 1119
6. Asahi Metal Industry Co. v. Superior Court, 480 U.S. 102 (1987)
7. Case No. 96-17087 D.C. No. CV-96-0089-EHC
8. MacDermid, Inc. v. Deiter, 702 F.3d 725
9. Panavision International, L.P. v. Toeppen, 141 F.3d 1316
10. Calder v. Jones 465 U.S. 783 (1984)
11. Burger King Corp. v. Rudzewicz | 471 U.S. 462 (1985)
12. Doe v. Geller, 533 F. Supp. 2d 996

Website

Gladstone, Determining Jurisdiction in Cyberspace, xem tại: <http://euro.ecom.cmu.edu/program/law/08-732/Jurisdiction/GladstoneDeterminingJurisdiction.pdf> (truy cập ngày 26/10/2024)

Vedder, Price, Kaufman & Kammholz, P.C., Long-arm Statutes: A fifty-state survey, Vedder Price, xem tại: <http://euro.ecom.cmu.edu/program/law/08-732/Jurisdiction/LongArmSurvey.pdf> (truy cập ngày 26/10/2024)

Hồ Minh Thành, Trần Kiên, Giải quyết xung đột thẩm quyền tài phán trên không gian mạng đối với các giao dịch thương mại điện tử, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 4/2023, tr.47-56, xem tại: <https://nsti.vista.gov.vn/publication/download/hE/qFIDTyqnsXPID.html> (truy cập ngày 26/10/2024)

Sonia K. Gupta, Bulletin Board Systems and Personal Jurisdiction: What Comports with Fair Play and Substantial Justice?, 1996, University of Chicago Legal Forum, Volume 1996, Article 16, xem tại: <https://chicagounbound.uchicago.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1213&context=uclf> (truy cập ngày 26/10/2024)

PGS.TS. Ngô Quốc Chiến, Số hóa và thách thức đối với tư pháp quốc tế, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 23(447) tháng 12/2021, 21/1/2022, xem tại: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210976> (truy cập ngày 08/10/2024)

Lý Vân Anh, Thẩm quyền trong các vụ kiện Facebook của Tòa án Pháp: Gợi mở với Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 9(341) 2016, xem tại: https://www.researchgate.net/publication/359554456_Tham_quyen_trong_cac_vu_kien_Facebook_cua_toa_an_Phap_Goi_mo_voi_Viet_Nam (truy cập ngày 08/10/2024)